



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, Phường An Phú Đông, Tp. HCM, Việt Nam

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số Phiếu: 26DVE-2267

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CP KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG
- Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CP KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG
- Địa chỉ : KCN Minh Hưng III, phường Minh Hưng, Tp. Đồng Nai, Việt Nam
- Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, công ty hoạt động bình thường
- Ngày đo đạc, lấy mẫu : 30/06/2026
- Thời gian phân tích : 30/06/2026 - 15/07/2026
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang 1 - 3/3

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT, Cột A C _{max} =C _x K _{qx} K _f	Phương pháp đo đạc, phân tích
			26NT1498		
1	Độ màu ⁽¹⁾	Pt-Co	< 30	50	TCVN 6185:2015 (phương pháp C)
2	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ⁽¹⁾	mg/L	0,22	4,05	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023
3	Tổng Nitơ ⁽¹⁾	mg/L	12,0	16,2	TCVN 6638:2000
4	Tổng Photpho ⁽¹⁾	mg/L	0,27	3,24	SMEWW 4500-P. B&D:2023
5	Clo dư ⁽¹⁾	mg/L	KPH (MDL=0,25)	0,81	TCVN 6225 – 3 : 2011
6	Clorua (Cl ⁻) ⁽¹⁾	mg/L	181	405	TCVN 6194:1996
7	Sulfua ⁽¹⁾	mg/L	KPH (MDL=0,03)	0,162	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023
8	Sắt (Fe)	mg/L	< 0,27	0,81	SMEWW 3500-Fe. B : 2023
9	Florua (F ⁻) ⁽¹⁾	mg/L	0,68	4,05	SMEWW 4500-F ⁻ . B&D:2023
10	Asen (As)	mg/L	KPH (MDL=0,0024)	0,0405	SMEWW 3113B:2023

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần Phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.08.02
LBH/SX: 01/00
NBH: 28/05/2026
Trang: 1/3

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, Phường An Phú Đông, Tp. HCM, Việt Nam

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số Phiếu: 26DVE-2267

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2026

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT, Cột A C _{max} =C _x K _{qx} K _f	Phương pháp đo đạc, phân tích
			26NT1498		
11	Cadimi (Cd)	mg/L	KPH (MDL=0,0027)	0,0405	SMEWW 3113B:2023
12	Chì (Pb)	mg/L	KPH (MDL=0,0026)	0,081	SMEWW 3113B:2023
13	Crom III (Cr ³⁺)	mg/L	KPH (MDL=0,007)	0,162	SMEWW 3500-Cr : 2023& SMEWW 3113B:2023
14	Đồng (Cu) ⁽¹⁾	mg/L	KPH (MDL=0,076)	1,62	SMEWW 3111 B:2023
15	Mangan (Mn)	mg/L	KPH (MDL=0,084)	0,405	SMEWW 3111 B:2023
16	Niken (Ni)	mg/L	KPH (MDL=0,0027)	0,162	SMEWW 3113B:2023
17	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH (MDL=0,0003)	0,00405	TCVN 7877:2008
18	Kẽm (Zn) ⁽¹⁾	mg/L	KPH (MDL=0,036)	2,43	SMEWW 3111 B:2023
19	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	KPH (MDL=0,007)	0,0405	SMEWW 3500-Cr : 2023
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH (MDL=0,5)	4,05	SMEWW 5520B&F:2023
21	Xianua (CN ⁻)	mg/L	KPH (MDL=0,005)	0,0567	SMEWW 4500 CN ⁻ . C &E:2023
22	Tổng phenol	mg/L	KPH (MDL=0,03)	0,081	TCVN 6216:1996
23	Hóa chất bảo vệ thực vật Clo hữu cơ ⁽²⁾	mg/L	KPH (MDL=0,0001)	0,0405	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D
24	Hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ ⁽²⁾	mg/L	KPH (MDL=0,0002)	0,0405	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần Phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.08.02
LBH/SX: 01/00
NBH: 28/05/2026
Trang: 2/3

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, Phường An Phú Đông, Tp. HCM, Việt Nam

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879

Email: daiviet@dve.vn - Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số Phiếu: 26DVE-2267

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2026

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT, Cột A Cmax=CxKqxKf	Phương pháp đo đặc, phân tích
			26NT1498		
					Method 8270D
25	Tổng PCB ⁽²⁾	mg/L	KPH (MDL=0,0005)	0,00243	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270E
26	Coliform	MPN/100mL	21 x 10 ²	3.000	SMEWW 9221B: 2023

Ghi chú:

- (1): Thông số đã được VILAS công nhận
- (2): Thông số sử dụng nhà thầu phụ
+ Công ty TNHH Thương mại tư vấn dịch vụ môi trường Tân Huy Hoàng - Vimcerts 076
- KPH: Không phát hiện
- MDL: Ngưỡng phát hiện
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải Công nghiệp.

Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

Cmax là giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào các nguồn tiếp nhận nước thải

C là giá trị của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp quy định tại bảng 1 QCVN 40 : 2011/BTNMT

Kq là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải; Kq = 0,9 ứng với Q ≤ 50 m³/s

Kf là hệ số lưu lượng nguồn thải ; Kf= 0,9 ứng với F > 5.000 m³/24h

Phương pháp lấy mẫu:

☒ Nước thải TCVN 5999 : 1995 ☒ Vi sinh TCVN 8880 : 2011 ☒ Bảo quản xử lý mẫu nước TCVN 6663-3 : 2016; TCVN 6663-14: 2018 ☒ Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu TCVN 6663-1:2011

Ký hiệu, vị trí lấy mẫu:

- 26NT1498: Nước thải sau hệ thống xử lý (Kinh độ: 106°36'19.8'', Vĩ độ: 11°27'56.0'')

TRƯỜNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

KS. TRẦN THỊ HÀI HÒA



THS. PHẠM DUY TÂN

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ tại thời điểm đo đặc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần Phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.08.02
LBH/SX: 01/00
NBH: 28/05/2026
Trang: 3/3



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, Phường An Phú Đông, Tp. HCM, Việt Nam

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số Phiếu: 26DVE-2204

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 07 năm 2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CP KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG
- Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CP KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG
- Địa chỉ : KCN Minh Hưng III, phường Minh Hưng, Tp. Đồng Nai, Việt Nam
- Ngày nhận mẫu : 04/07/2026
- Thời gian phân tích : 04/07/2026 - 11/07/2026
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang 1 - 2/2

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT, Cột A C _{max} =C _x K _q K _f	Phương pháp đo đạc, phân tích
			26NT1564		
1	Nhu cầu oxy hóa học (COD) ⁽¹⁾	mg/L	44	60,75	SMEWW 5220C:2023
2	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅) ⁽¹⁾	mg/L	14	24,3	TCVN 6001-1: 2021
3	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ⁽¹⁾	mg/L	KPH (MDL=0,06)	4,05	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023

Ghi chú:

- ⁽¹⁾: Thông số đã được VILAS công nhận
 - Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp, phòng thí nghiệm không chịu trách nhiệm trên việc lấy mẫu.
 - KPH: Không phát hiện; MDL: Ngưỡng phát hiện
 - QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải Công nghiệp.
- Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.
- C_{max} là giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào các nguồn tiếp nhận nước thải
- C là giá trị của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp quy định tại bảng 1 QCVN 40 : 2011/BTNMT
- K_q là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải; K_q = 0,9 ứng với Q ≤ 50 m³/s
- K_f là hệ số lưu lượng nguồn thải ; K_f= 0,9 ứng với F > 5.000 m³/24h
- Ký hiệu, mô tả mẫu:**
- 26NT1564: Nước thải sau hệ thống xử lý lấy ngày 30/06/2026

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần Phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.08.02
LBH/SX: 01/00
NBH: 28/05/2026
Trang: 1/2



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, Phường An Phú Đông, Tp. HCM, Việt Nam

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số Phiếu: 26DVE-2204

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 07 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

KS. TRẦN THỊ HÀI HÒA



ThS. PHẠM DUY TÂN



- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần Phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.08.02
LBH/SX: 01/00
NBH: 28/05/2026
Trang: 2/2